

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2003/TTLT-BCN-BNV ngày 29 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về công nghiệp ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 537/TTr-SCN ngày 25 tháng 5 năm 2007 và Công văn số 1027/STP-VB ngày 11 tháng 4 năm 2007 của Sở Tư pháp về việc góp ý Quy chế quản lý cụm công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ chức năng quản lý cụm công nghiệp của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công

ngành thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 55/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công nghiệp, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2007/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức, quản lý các hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung Quy chế bao gồm:

a) Điều kiện thành lập cụm công nghiệp.

b) Ngành nghề khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp.

c) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp, đầu tư sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp.

d) Nội dung quản lý Nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với hoạt động của cụm công nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng cho các cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp, bao gồm:

- Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư.

- Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- Hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cụm công nghiệp: là tên gọi chung cho những khu vực có các cơ sở sản xuất và dịch vụ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, có quy mô diện tích phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và không có dân cư sinh sống, do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập theo quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn.

2. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp: là tên gọi chung của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hoặc thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cụm công nghiệp.

3. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp: là tên gọi chung của các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc giao nhiệm vụ thực hiện việc đầu tư xây dựng, phát triển và kinh doanh hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cụm công nghiệp.

4. Ban Quản lý Cụm công nghiệp: là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Công nghiệp, thực hiện việc quản lý các cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Sở Công nghiệp.

Điều 3. Tiêu chí cụm công nghiệp

Cụm công nghiệp bao gồm 05 tiêu chí sau đây:

1. Có quyết định phê duyệt thành lập của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.
2. Quy mô diện tích cụm công nghiệp: có diện tích từ 15ha đến dưới 100ha (đối với các cụm công nghiệp hình thành trước ngày ban hành Quyết định này thì giữ nguyên hiện trạng về diện tích).
3. Cụm công nghiệp phải có ranh giới rõ ràng: hàng rào, khoảng cây xanh cách ly, v.v...
4. Cụm công nghiệp phải có chủ đầu tư để thuận lợi trong việc quản lý, điều hành cụm công nghiệp.
5. Có kết nối hạ tầng trên địa bàn.

Điều 4. Thành lập cụm công nghiệp

Việc thành lập cụm công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch phát triển công

ng nghiệp trên địa bàn thành phố và phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất của các quận - huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố từng thời kỳ, quy hoạch phát triển công nghiệp ở quận - huyện và các quy hoạch khác liên quan; Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án thành lập cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Đề án thành lập cụm công nghiệp được phê duyệt là cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập cụm công nghiệp.

Điều 5. Nội dung đề án thành lập cụm công nghiệp

Đề án thành lập cụm công nghiệp phải làm rõ được những nội dung sau:

1. Các căn cứ pháp lý (sự phù hợp các quy hoạch liên quan như quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn, quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị của địa phương; văn bản chấp thuận về mặt chủ trương thành lập cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân thành phố nếu chưa có trong quy hoạch).

2. Ranh giới, diện tích cụm công nghiệp; định hướng quy hoạch sử dụng mặt bằng trong cụm công nghiệp (mật độ xây dựng, diện tích cây xanh, diện tích dành cho các công trình hạ tầng kỹ thuật).

3. Định hướng bố trí các ngành nghề sản xuất trong cụm công nghiệp bảo đảm đạt được mục đích của việc thành lập cụm công nghiệp.

4. Những nội dung và giải pháp chủ yếu triển khai xây dựng cụm công nghiệp (xác định chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; dự kiến tổng mức đầu tư; nguồn vốn và khả năng thu xếp vốn; các giải pháp xây dựng; phương án cấp điện, cấp thoát nước, giao thông, thông tin, xử lý môi trường, phòng, chống cháy nổ, an toàn lao động).

Trường hợp cụm công nghiệp dự kiến thành lập không có doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ được giao đất trực tiếp hoặc thuê đất thô và tự đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất - dịch vụ) thì Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề chung của cụm công nghiệp (như: bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp điện, cấp thoát nước, đường giao thông, xử lý môi trường); cơ quan này có thể là Ban Quản lý Cụm công nghiệp hoặc Ban Quản lý dự án thuộc Sở Công nghiệp.

5. Dự kiến khả năng lấp đầy (số lượng dự án đã đăng ký, dự án cần di dời) và phương án thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp.

6. Sự gắn kết với quy hoạch khu dân cư và hạ tầng kinh tế - văn hóa - xã hội ngoài ranh giới cụm công nghiệp.

7. Dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội của việc xây dựng cụm công nghiệp.

Điều 6. Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp

1. Đối với cụm công nghiệp có doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng: Sau khi có quyết định thành lập cụm công nghiệp, chủ đầu tư tiến hành lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp để triển khai thực hiện.

2. Đối với cụm công nghiệp không có doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng: Ban Quản lý Cụm công nghiệp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề chung của cụm công nghiệp (đã được xác định trong Đề án thành lập cụm công nghiệp), lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cho thuê đất, dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng dùng chung như: cấp điện, cấp thoát nước, đường giao thông nội bộ... và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 7. Lĩnh vực, ngành nghề, dự án được khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp

1. Khôi phục, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống của địa phương.

2. Chuyển đổi ngành nghề sản xuất, phát triển ngành nghề mới hoặc sản phẩm mới theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ngành nghề sử dụng chủ yếu nguyên liệu tại chỗ của địa phương và thu hút giải quyết lao động tại địa phương.

4. Ngành nghề sản xuất hàng xuất khẩu, hàng thay thế nhập khẩu, tăng thu ngoại tệ cho ngân sách địa phương.

5. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất khác.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp bằng nguồn vốn tự huy động (không sử dụng vốn của Nhà nước).

7. Di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp xen cài trong khu dân cư vào cụm công nghiệp.

8. Dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

9. Các lĩnh vực, ngành nghề khác được khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Quyền của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp

1. Được giao đất hoặc cho thuê đất trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai để xây dựng nhà xưởng, công trình phục vụ sản xuất và dịch vụ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phù hợp với giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kinh doanh; được thuê lại đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng đã đầu tư, mua lại, thuê lại nhà xưởng của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp hoặc của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ khác.

2. Thời gian thuê đất không quá 50 năm. Được tiếp tục gia hạn thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi hết thời hạn của hợp đồng thuê đất (nếu có yêu cầu).

3. Được sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác trong cụm công nghiệp theo quy định.

4. Được tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận các công nghệ mới, tiên tiến từ các công trình nghiên cứu do Nhà nước đầu tư hoặc mua của nước ngoài.

5. Được hưởng các chính sách khuyến công theo quy định của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

6. Được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo pháp luật hiện hành của Nhà nước và các chính sách ưu đãi khác của địa phương về khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

7. Được góp vốn để xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo thỏa thuận với doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

8. Được hỗ trợ và tạo điều kiện trong việc tuyển dụng và đào tạo lao động phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh theo chính sách của địa phương.

9. Trong thời gian hoạt động được cho thuê lại hoặc chuyển nhượng phần đất, nhà xưởng và tài sản của mình trên đất thuê theo đúng quy định của pháp luật.

10. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được cấp phép trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày được giao hoặc thuê đất trong cụm công nghiệp.

2. Trường hợp doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất thì phải thực hiện đúng hướng dẫn của Ban Quản lý Cụm công nghiệp, đảm bảo quy hoạch chung và các tiêu chuẩn xây dựng.

3. Sử dụng đất được giao hoặc thuê đúng mục đích đầu tư và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với nội dung của giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư được cấp.

4. Tuân thủ mọi quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh (như các nghĩa vụ về thuế, chính sách đối với người lao động, chế độ kế toán thống kê, chế độ báo cáo, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...).

5. Trong thời hạn thuê đất, nếu doanh nghiệp muốn ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho tổ chức, cá nhân khác thì phải có văn bản gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước 30 ngày để được xem xét giải quyết. Trong khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận, doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ theo quy định.

6. Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương nơi có cụm công nghiệp, trước hết đối với con em các đối tượng chính sách và những hộ gia đình bị thu hồi đất thành lập cụm công nghiệp.

7. Tích cực tham gia vào việc truyền bá và phát triển ngành nghề kinh doanh hoặc dịch vụ cho cộng đồng địa phương trong trường hợp nhận hỗ trợ của Nhà nước.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ và hàng năm cho Sở Công nghiệp (thông qua Ban Quản lý Cụm công nghiệp) và các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo quy định hiện hành.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 10. Quyền của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp

1. Được giao đất hoặc thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và được vận động thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp.

2. Được huy động vốn theo quy định của pháp luật; được miễn giảm hoặc chậm nộp tiền thuê đất theo cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung ương và địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp.

3. Được hưởng các chính sách khuyến công của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn và các chính sách ưu đãi khác của địa phương về khuyến khích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp (nếu có).

4. Được cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ thuê lại đất gắn với công trình kết cấu đã đầu tư; bán hoặc cho thuê lại nhà xưởng do mình xây dựng trong cụm công nghiệp.

5. Kinh doanh các dịch vụ trong cụm công nghiệp phù hợp với nội dung của giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy đăng ký kinh doanh được cấp.

6. Được chào giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng và các loại phí dịch vụ khác trên cơ sở khung giá trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Được liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khác để đầu tư và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp.

8. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp

1. Lập và trình duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp (trong đó bao gồm phương án bồi thường - giải phóng mặt bằng, di dời dân trên diện tích đất được giao hoặc được thuê; các yêu cầu và giải pháp kết nối hạ tầng ngoài cụm công nghiệp; khung giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng và các loại phí dịch vụ).

2. Triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày được giao hoặc thuê đất để xây dựng hạ tầng, đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng.

3. Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động.

4. Tuân thủ mọi quy định của Quy chế này và các quy định liên quan khác của pháp luật hiện hành (như các nghĩa vụ về thuế, chính sách đối với người lao động, chế độ kế toán thống kê, chế độ báo cáo, Quy chuẩn xây dựng, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...).

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện và các sở - ngành thành phố trong việc phổ biến các Luật, chính sách, quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ hoạt động trong cụm công nghiệp.

6. Chịu trách nhiệm chung về hợp đồng cung cấp các dịch vụ tiện ích phục vụ sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

7. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị máy móc của mình phù hợp thiết kế và tiến độ đã được phê duyệt.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ và hàng năm cho Sở Công nghiệp (thông qua Ban Quản lý Cụm công nghiệp) và các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo quy định hiện hành.

Chương IV **QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP**

Điều 12. Nội dung quản lý Nhà nước về công nghiệp đối với cụm công nghiệp

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển cụm công nghiệp nhằm đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

2. Ban hành các quy định hướng dẫn hoạt động cụm công nghiệp.

3. Cấp, điều chỉnh, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép đầu tư vào cụm công nghiệp và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức bộ máy quản lý điều hành hoạt động của cụm công nghiệp; đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực.

5. Giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp; xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với cụm công nghiệp

1. Sở Công nghiệp là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với cụm công nghiệp:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của thành phố xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, bao gồm quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

b) Chủ trì xây dựng Đề án thành lập cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp của các doanh nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng để trình duyệt.

c) Chỉ đạo Ban Quản lý Cụm công nghiệp thực hiện một số chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng, quản lý và phát triển cụm công nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý các cụm công nghiệp cho phù hợp tình hình thực tế từng thời kỳ, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

đ) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách để quản lý và khuyến khích phát triển cụm công nghiệp.

e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan liên quan xác định ngành nghề, dự án khuyến khích đầu tư vào các cụm công nghiệp.

g) Hỗ trợ, tham gia kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp; hướng dẫn việc đầu tư vào cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn và Đề án thành lập cụm công nghiệp được duyệt. Chủ trì xây dựng các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh bạn để thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ.

h) Hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý cho các cụm công nghiệp.

i) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn trong phạm vi quyền hạn được giao.

k) Đề xuất khen thưởng những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đầu tư vào cụm công nghiệp; Quy định về việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý và đề xuất cấp ưu đãi đầu tư đối với các dự án thuộc diện được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố để khuyến khích, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết đề nghị sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung hỗ trợ chi phí bồi thường đất được thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp và hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng trong, ngoài cụm công nghiệp.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về công tác quản lý tài nguyên, môi trường các cụm công nghiệp theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Hướng dẫn lập thủ tục và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp. Hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho doanh nghiệp.

c) Kiểm tra, giám sát việc xử lý môi trường của các doanh nghiệp và của cụm công nghiệp.

d) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được thuê đất.

4. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về xây dựng trong các cụm công nghiệp theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Hướng dẫn thủ tục và cấp giấy phép xây dựng và kiểm tra giám sát xây dựng theo thẩm quyền.

c) Hướng dẫn thủ tục, trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng cho doanh nghiệp.

5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

a) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, quản lý xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với Sở Công nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, chất lượng hàng hóa, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, an toàn và kiểm soát bức xạ theo luật pháp quy định.

b) Tổ chức thẩm định tình trạng công nghệ, thiết bị máy móc có quy định phải thẩm định của các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

c) Hỗ trợ việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, quản lý cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp theo quy định của thành phố.

7. Cục Thống kê thành phố:

Tổng hợp, thống kê tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (hoặc phân cấp cho Phòng Thống kê quận - huyện thực hiện) theo quy định của Luật Thống kê.

8. Các sở - ngành chức năng khác:

Thực hiện quản lý Nhà nước theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền.

9. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

a) Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất đã được quy hoạch cho xây dựng cụm công nghiệp trong khi chưa triển khai đầu tư.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bồi thường, di dân, giải phóng mặt bằng, tái định cư,... phục vụ xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn.

c) Tham gia quản lý hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn quận - huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

Điều 14. Ban Quản lý Cụm công nghiệp**1. Chức năng:**

a) Giúp Giám đốc Sở Công nghiệp thực hiện một số chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng, quản lý và phát triển các cụm công nghiệp.

b) Theo dõi, kiểm tra và giám sát việc tổ chức thực hiện.

2. Nhiệm vụ chính:

a) Xây dựng điều lệ hoạt động của Ban, báo cáo Sở Công nghiệp thông qua và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Hướng dẫn, phối hợp với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp trong việc lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Phối hợp với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc xây dựng và quản lý cụm công nghiệp.

d) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài cụm công nghiệp, việc triển khai các dự án đầu tư sản xuất - dịch vụ trong cụm công nghiệp để đưa cụm công nghiệp vào hoạt động đồng bộ, đúng quy hoạch, kế hoạch, tiến độ được duyệt.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật.

e) Nghiên cứu, tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, doanh nghiệp về nâng cao hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp để Sở Công nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy chế này và các quy định khác về quản lý cụm công nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Sở Công nghiệp quy định.

3. Cơ cấu tổ chức:

Ban Quản lý Cụm công nghiệp có 01 Trưởng ban, không quá 02 Phó ban và bộ máy giúp việc.

- Trưởng ban: do Giám đốc Sở Công nghiệp đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét và ra quyết định bổ nhiệm.

- Phó ban: do Giám đốc Sở Công nghiệp quyết định bổ nhiệm.

- Bộ máy giúp việc: do Giám đốc Sở quyết định tùy thuộc vào yêu cầu công việc và tình hình, nhiệm vụ cụ thể của ngành công nghiệp địa phương.

Ban Quản lý Cụm công nghiệp được sử dụng con dấu và tài khoản riêng (như một đơn vị có thu trực thuộc Sở).

4. Biên chế và kinh phí hoạt động:

Biên chế và kinh phí hoạt động của Ban Quản lý Cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề nghị của Sở Công nghiệp và Sở Nội vụ, trên nguyên tắc bảo đảm đủ biên chế tối thiểu cho yêu cầu công việc.

Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý Cụm công nghiệp do ngân sách thành phố cấp từ nguồn kinh phí quản lý hành chính Nhà nước (trên cơ sở biên chế được duyệt) và được bổ sung bằng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ công (nếu có).

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Khiếu nại

Các tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định và hành vi trái với các quy định trong Quy chế này. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết các khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Các cụm công nghiệp thành lập trước ngày Quy chế này được ban hành phải thực hiện theo các quy định trong Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh cho phù hợp thì Sở Công nghiệp và các cơ quan hữu quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bổ sung, điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín